

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EAH'LEO
TỈNH ĐẮK LĂK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/HN&GD-ST
Ngày: 22/01/2025.
“V/v: *Kiện ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Văn Long.

Các Hội thẩm nhân dân gồm có: Ông Bùi Hoàng Sơn và ông Trần Hữu Linh.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Nguyễn Lê Hằng Nga – Thư ký TAND huyện Ea H'Leo.

- *Đại diện VKSND huyện Ea H'Leo:* Ông Hồ Quang P – Kiểm sát viên. Ngày 22 tháng 01 năm 2025 tại Phòng xử án - Toà án nhân dân huyện Ea H'leo, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 420/2024/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 11 năm 2024, về việc “*Kiện ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2024/QĐXX-ST, ngày 23/12/2024 và Quyết định hoãn phiên toà số: 05/2025/QĐST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà H, sinh năm 1992. Vắng có đơn xin xét xử vắng mặt. Trú tại: Buôn T, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: ông Y Phiên R năm 1983. Vắng mặt lần thứ 2 không lý do. Trú tại: Buôn T, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà H' Pêm A D trình bày:*

Quan hệ hôn nhân: Bà H1 và ông Y Phiên R sống chung với nhau năm 2007, đến ngày 26/11/2018 đăng ký kết hôn tại UBND xã Ehôn nhân là tự nguyện. Sau khi về sống chung hạnh phúc được một thời gian đến khoảng 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Y Phiên R thường xuyên uống rượu say xỉn đập phá đồ đạc trong nhà, không lo làm ăn không có trách nhiệm với gia đình vợ con. Mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, năm 2018 đã được Buôn và hai bên gia đình giải quyết nội bộ thống nhất cho ly hôn và hai người sống ly thân từ đó. Hiện nay hai người không còn tình cảm, không còn quan tâm gì nhau nữa, nên xin ly hôn.

Về con chung: Bà H và ông Y Phiên R có 02 người con chung là H2, sinh ngày 05/09/2008 và Y KA, sinh ngày 11/11/2011, hiện cả hai đang ở với mẹ, nay ly hôn bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con chung đến khi trưởng thành. Bà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ: Bà H không yêu cầu giải quyết.

** Bị đơn ông Y Phiên R:* Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, các văn bản tố tụng Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải theo đúng quy định nhưng Y

Phiên R vẫn vắng mặt không lý do và không gửi văn bản ghi ý kiến cho Tòa án, nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

* Các cháu: H2 và Y KA đều trình bày nguyện vọng xin được ở với mẹ.

Các tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án: Trích lục kết hôn; Đơn ly hôn; bản phô tô căn cước công dân của bà H; Giấy khai sinh cháu H2 và YKA; Biên bản ghi lời khai của bà H2 các cháu, Y KA; Biên bản xác minh nơi cư trú và tình trạng hôn nhân của các đương sự trong vụ án.

Do nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Vì vậy, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

Tại phiên tòa, Chủ tọa phiên tòa công bố lý do đương sự vắng mặt; nêu tóm tắt nội dung vụ án và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử đã thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của HĐXX và nguyên đơn, đều tuân thủ đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án; xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do là từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, nên Tòa án xét xử vắng mặt là đúng quy định. Về thời hạn xét xử: đảm bảo đúng thời hạn quy định theo Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Yêu cầu ly hôn và giải quyết vấn đề con chung của bà H là có căn cứ, đề nghị HĐXX chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà H1 và ông Y P1R3 sống chung với nhau 2007, đăng ký kết hôn 2018 trên cơ sở tự nguyện là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà H, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình sống chung với nhau bà H và ông Y Phiên R, đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể sống chung được với nhau nên hai người đã ly thân từ năm 2018 đến nay và không còn tình cảm không còn quan tâm chăm sóc gì nhau nữa.

Như vậy yêu cầu ly hôn của bà H là có căn cứ phù hợp với Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà H và ông Y Phiên R có 02 con chung: H2, sinh ngày 05/09/2008 và Y KA, sinh ngày 11/11/2011, từ khi hai vợ chồng ly thân đến nay đều do bà H nuôi dưỡng và nguyện vọng của các cháu đều xin được ở với mẹ. Trong quá trình giải quyết vụ kiện ông Y Phiên R vắng mặt không lý do và không gửi văn bản nêu ý kiến, nguyện vọng của mình cho Tòa án. Vì vậy, cần giao các cháu H2, sinh ngày 05/09/2008 và Y KA, sinh ngày 11/11/2011 cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết; ông Y Phiên R vắng mặt không có lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến và yêu cầu của mình nên không có căn cứ để xem xét.

[5] Về án phí: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ, bà H phải chịu toàn bộ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58; Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H

- Về hôn nhân: Bà H được ly hôn ông Y Phiên R.

- Về con chung: Giao con chung H2, sinh ngày 05/09/2008 và Y KA, sinh ngày 11/11/2011 cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Ông Y Phiên R, có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản và nợ: Bà H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Bà H phải chịu 300.000đ, được khấu trừ số tiền đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0002427 ngày 28/10/2024 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện EaH'Leo, tỉnh Đắk Lắk.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND huyện Ea H'leo;
- Chi cục THADS huyện Ea H'leo;
- UBND xã Ea Ral;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Long